

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày 04-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Toàn

2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện VKSND thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 211/2017/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2017/QĐXX - ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T - Sinh ngày 31/10/1962; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: SN 24, tổ 11, phường L, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T - (đã chết) và con bà: Lê Thị L - (đã chết); Vợ: Vũ Thị M, sinh năm 1972 (đã ly hôn). Có 01 con, sinh năm 1998.

* Nhân thân: Học hết lớp 5/10, sau đó ở nhà lao động tự do; Bản án số 174/HSST ngày 26/8/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27 ngày 17/10/2006 của Công an thành phố T xử phạt Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 1132 ngày 07/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - Lao động - Xã hội, thành phố T thời hạn 12 tháng, lý do nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 08/12/2007; Quyết định số 1369 ngày

21/5/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục S, huyện B, tỉnh H (cũ) thời hạn 24 tháng, do nhiều lần trộm cắp tài sản; Quyết định số 4805 ngày 24/11/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - Lao động - Xã hội, thành phố T thời hạn 12 tháng, lý do nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 29/11/2012; Quyết định số 1310 ngày 06/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - Lao động - Xã hội, thành phố T thời hạn 12 tháng, lý do nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 07/5/2014; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 232 ngày 15/8/2014 của Công an thành phố T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa thi hành.

* Tiền sự: Không.

* Tiền án: Bản án số 187/HSST ngày 21/10/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2017, thi hành xong án phí ngày 22/4/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh T.

2. Đào Đình K - Sinh ngày 25/12/1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: SN 07, tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Con ông: Đào H, sinh năm 1947; Con bà: Đình Thị T, sinh năm 1947; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (đã ly hôn). Có 01 con, sinh năm 2006.

* Nhân thân: Học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do; Quyết định số 1963 ngày 09/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - Lao động - Xã hội, thành phố T thời hạn 12 tháng, lý do nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 27/12/2011; Bản án số 193/HSST ngày 27/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2014, chấp hành xong án phí ngày 01/4/2013.

* Tiền án: Không.

* Tiền sự: Quyết định số 08/QĐ-TA ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, lý do nghiện ma túy, chấp hành xong ngày 24/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh T.

(Các bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa)

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Quang H - SN 1983 (*Vắng mặt*).
Trú tại: SN 67C, tổ 03, phường T, thành phố T, tỉnh T.
- Anh Nguyễn Đình T - SN 1984 (*Vắng mặt*)
Trú tại: SN 37, tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/10/2017 Đỗ Văn T đang ở nhà thì có Đào Đình K đến chơi, T rủ K đi mua ma túy về sử dụng chung, K nói “Em không có tiền” thì T nói “Anh có 100.000 đồng đây rồi”, K đồng ý. K điều khiển xe máy nhãn hiệu Atila màu xanh, biển số 29U3 - 7774 của T, chở T ngồi sau đi đến một ngõ ở khu vực tổ 21, phường T, thành phố T để mua ma túy, K đứng bên ngoài chờ, T đi bộ vào trong ngõ gặp và mua của một người nam giới không biết tên địa chỉ khoảng 35 tuổi 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng. Sau đó, T cầm gói ma túy ở tay phải mang ra đưa cho K. K nhận gói ma túy cầm ở tay trái rồi điều khiển xe chở T đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi K và T đi đến khu vực đường T, tổ 01, phường Q, thành phố T thì bị tổ công tác Công an thành phố T yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là anh Nguyễn Quang H - SN 1983; Trú tại: SN 67C, tổ 03, phường T, thành phố T và anh Nguyễn Đình T - SN 1984; Trú tại: SN 37, tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh T, K tự giác đưa từ lòng bàn tay trái ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói ma túy, tổ công tác mở ra kiểm tra bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, K khai nhận là heroin do T và K vừa mua về để sử dụng chung. Tổ công tác niêm phong trong phong bì, sau đó yêu cầu K, T đưa phương tiện và mời người làm chứng về trụ sở Công an thành phố T. Kiểm tra người T thu giữ tại túi quần bên phải 01 điện thoại Masstel màu vàng, kiểm tra người K và xe máy không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng, biên bản kiểm tra và quản lý phương tiện.

Tại bản kết luận giám định số 406/KLGD-PC54 ngày 14/10/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại heroin, có trọng lượng 0,1519 gam*”.

Bản cáo trạng số 02/KSĐT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố để xét xử đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Đào Đình K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Đào Đình K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 - Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/10/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 - Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đào Đình K mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/10/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của Đỗ Văn T và Đào Đình K còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố T lập hồi 20 giờ 50 phút ngày 14/10/2017 tại trụ sở công an thành phố T (BL: 07 - 10); biên bản niêm phong vật chứng (BL: 29); bản kết luận giám định số 406/KLGD-PC54 ngày 14/10/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T (BL số 32); bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Quang H - SN 1983; Trú tại: SN 67C, tổ 03, phường T, thành phố T và anh Nguyễn Đình T - SN 1984; Trú tại: SN 37, tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh T (BL: 89-98). Cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Đỗ Văn T và Đào Đình K đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho các bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Văn T và Đào Đình K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước và chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Ma túy không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV /AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội hiện nay.

Trong vụ án này bị cáo Đỗ Văn T và Đào Đình K phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bản thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy, nên ngày 14/10/2017 khi bị cáo K đến nhà chơi, bị cáo T chủ động rủ K đi mua ma túy về sử dụng chung. Tại phiên tòa bị cáo T khai khi bị cáo K đến nhà chơi thì cả hai rủ nhau uống rượu, khi uống rượu xong thì K có nói “Anh em mình đi chơi tý đi, nhưng em

không có tiền” ý bị cáo K nói “chơi” là sử dụng ma túy, bị cáo T nói “Anh có 100.000 đồng đây rồi”, K đồng ý và lấy xe mô tô Attila màu xanh, biển số 29U3 - 7774 của T rồi cả hai cùng đi. Vì vậy, xét vai trò của các bị cáo T và K trong vụ án này là ngang nhau, khi xét xử cần áp dụng mức hình phạt ngang nhau và phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục cũng như phòng chống tội phạm chung.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Đỗ Văn T, Đào Đình K đều có nhân thân xấu đã nhiều lần bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - giáo dục - Lao động - Xã hội thời gian nhất định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Đỗ Văn T có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2017 nhưng chưa được xóa án tích, vì vậy cần áp dụng tình tiết tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Khi lượng hình HĐXX cũng xem xét để ra một hình phạt đối với các bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy , có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng. Vì vậy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T đều khai đã mua ma túy của một người nam giới khoảng 35 tuổi, không quen biết, trong ngõ thuộc khu vực tổ 21, phường T, thành phố T. Qua điều tra , xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo Thành nên không đủ căn cứ để xử lý.

- * Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy thu giữ được của các bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Trong quá trình điều tra đã xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Attila màu xanh, biển số 29U3 - 7774 đăng ký mang tên chị Nguyễn Thị T - SN 1976, trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện G, thành phố H. Năm 2010 chị T bán chiếc xe cho một người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ tại H. Đến tháng 8/2017, Đỗ Văn T đã mua chiếc xe trên của một nam giới không rõ tên, địa chỉ tại khu vực gần Bệnh viện nhi tỉnh T (không có giấy tờ mua bán, chỉ có giấy đăng ký xe) và 01 điện thoại Masstel màu vàng bị cáo T mua tại cửa hàng điện thoại, nguồn tiền là của bị cáo lao động mà có. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đều khai nhận chiếc xe mô tô trên của bị cáo chỉ sử dụng làm phương tiện đi lại và chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc cho gia đình, không liên quan đến việc mua ma túy. Vì vậy cần trả lại cho bị

cáo T 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila màu xanh, biển số 29U3 - 7774 và 01 điện thoại Masstel màu vàng (có đặc điểm nêu trên) là phù hợp.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 - Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng với Đỗ Văn T); Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T và Đào Đình K phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/10/2017.

Xử phạt bị cáo Đào Đình K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/10/2017.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy, loại heroin còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 406/KLGD-PC54 ngày 14/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T - SN 1962; Trú quán: SN 24, tổ 11, phường L, thành phố T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Attila màu xanh, biển số 29U3 - 7774 đăng ký mang tên chị Nguyễn Thị T - SN 1976, trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện G, thành phố H và 01 điện thoại Masstel màu vàng (đã qua sử dụng), nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí:

Buộc các bị cáo Đỗ Văn T và Đào Đình K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/01/2018.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền